

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hà Bắc
2. Ông Nguyễn Ngọc Giao

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm Xuân Tiên, xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Trung D (Đỗ Văn D); sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm Xuân H, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H và anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/3/2019, bản tự khai ngày 26/6/2019 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Đỗ Trung D tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 6 năm 2002. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh D thường xuyên uống rượu rồi hành hung đánh đập chị và đi vào con đường nghiện ma túy vì các con nên chị và gia đình đã cho anh

D đi cai nghiện nhưng chỉ được thời gian ngắn anh D lại tái nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2015. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh D đã vi phạm pháp luật và chấp hành án một năm tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Trung D (Đỗ Văn D).

Về con chung chị H trình bày: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đỗ Thị Thanh D sinh ngày 12/7/2003 và Đỗ Trung H sinh ngày 11/02/2009. Nguyên vọng của chị được trực tiếp nuôi cả hai con đến tuổi trưởng thành không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đỗ Trung D (Đỗ Văn D) trình bày:

Anh và chị H tìm hiểu và được UBND xã Gi, huyện Giao Thủy đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2002. Sau ngày cưới vợ chồng anh chung sống hòa thuận được 8 tám năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do trước đây anh ham chơi không quan tâm đến gia đình vợ con và anh có nghiện ma túy lên mới dẫn đến việc chị H có đơn ly hôn. Anh vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, anh phải chấp hành án, tới ngày 09 tháng 8 năm 2019 thì được ra trại. Nay chị H xin ly hôn, nguyên vọng của anh mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con: Anh D trình bày vợ chồng có 2 con chung là Đỗ Thị Thanh D, sinh ngày 12/7/2003 và Đỗ Trung H, sinh ngày 11/02/2009, khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu ở với chị H, khi anh mãn hạn tù về địa phương thì cháu Hải về ở với anh còn cháu Dương vẫn ở với chị H. Nếu như phải ly hôn anh có nguyên vọng được nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 6 năm 2019 cháu Đỗ Thị Thanh D và cháu Đỗ Trung H trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn các cháu đều có nguyên vọng được ở với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi cháu Đỗ Thị Thanh D, giao anh D trực tiếp nuôi cháu Đỗ Trung H đến tuổi trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Đỗ Trung D (Đỗ Văn D); Địa chỉ nơi cư trú: Xóm X, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trung D (Đỗ Văn D) tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Gi, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 6 năm 2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh D chơi bời, xa ngã vào con đường ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo cho đi cai nghiện ma túy, nhưng không thay đổi nên chị H chán nản không còn kiên nhẫn chịu đựng và đã tự ý sống ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm đến anh D nữa. Khi anh D vi phạm pháp luật hình sự phải đi tù chị H cũng không quan tâm thăm nom thể hiện chị H không còn yêu thương anh D.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị H là có căn cứ pháp luật và hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Thanh D sinh ngày 12/7/2003 và Đỗ Trung H sinh ngày 11/02/2009. Tại phiên tòa, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con đến tuổi trưởng thành không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, còn chị H nhất trí để anh D trực tiếp nuôi cháu Hải, chị nhận nuôi cháu Dương đến tuổi trưởng thành.

Xét điều kiện hiện tại của chị H và anh D: Hiện nay anh D đã chấp hành án xong về địa phương và đi lao động, cháu Hải cũng đã về ở với anh D từ khi anh D về địa phương, nên chấp nhận việc nuôi con như ý kiến của chị H là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con cả anh D và chị H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh D, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị H, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Trung D (Đỗ Văn D)

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Thị Thanh D sinh ngày 12/7/2003; Giao anh D trực tiếp nuôi cháu Đỗ Trung H sinh ngày 11/02/2009 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000414 ngày 25/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp ĐKKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ông Ngọc Lễ